

## KINH NGHIỆM VÀ KIẾN THỨC BẢN ĐỊA TRONG KHAI THÁC, SỬ DỤNG CÂY THUỐC CỦA DÂN TỘC VÂN KIỀU, TỈNH QUẢNG BÌNH

Bùi Thị Thục Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Phương  
Trường Đại học Quảng Bình

Lệ Thủy là huyện phía nam của tỉnh Quảng Bình, với diện tích 141.611 ha, trong đó diện tích đất lâm nghiệp là 105.389 ha, riêng diện tích đất lâm nghiệp 3 xã miền núi của huyện là 84.266 ha với nguồn tài nguyên thực vật khá phong phú đặc biệt là các cây dược liệu. Dân số ba xã miền núi 6.880 người, trong đó có 4.886 người đồng bào dân tộc Vân Kiều sinh sống. Cộng đồng người Vân Kiều có cuộc sống gắn bó với núi rừng từ lâu đời nên có nhiều kinh nghiệm gia truyền trong việc chữa bệnh và cách sử dụng cây cỏ xung quanh mình làm thuốc chữa bệnh. Tuy nhiên với phong tục tập quán và cuộc sống tách biệt của người dân nên kiến thức về nguồn cây thuốc ở đây không được truyền bá rộng rãi.

Thêm vào đó, nguồn tài nguyên cây thuốc của dân tộc bản địa đang ngày càng cạn kiệt. Nguyên nhân chủ yếu là sự khai thác một cách tràn lan và tận thu để bán cho các thương lái trong tỉnh, trong nước và nước ngoài; sự chuyển đổi rừng tự nhiên sang trồng rừng nguyên liệu giấy, sang trồng cây cao su; nạn phá rừng làm nương rẫy của đồng bào dân tộc,... đã làm suy giảm nhiều loài cây có giá trị, trong đó nhiều loài cây làm thuốc đã bị khai thác cạn kiệt. Do những cây thuốc quý đang đứng trước nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng và sự mai một những tri thức y học bản địa quý báu; vì vậy việc tìm hiểu kinh nghiệm và kiến thức bản địa trong khai thác, sử dụng cây thuốc của người Vân Kiều nhằm bảo tồn và duy trì các cây thuốc quý là vấn đề rất cần thiết.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 1. Phương pháp thu thập thông tin

- Thu thập dữ liệu thứ cấp:

+ Thu thập những thông tin về điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội dựa trên báo cáo của UBND huyện, các xã và các tài liệu chuyên ngành có liên quan. Đồng thời, chúng tôi làm việc với các bên liên quan như Hạt Kiểm lâm, Phòng Tài nguyên môi trường, Phòng Dân tộc, Phòng Nông nghiệp huyện, BQL Rừng phòng hộ Động Châu, các lâm trường nhằm thu thập các thông tin cần thiết khác.

+ Tiến hành xử lý và giám định tên khoa học theo phương pháp so sánh hình thái truyền thống và các tài liệu chuyên ngành: Cây cỏ Việt Nam (Phạm Hoàng Hộ, 1999-2000); Từ điển cây thuốc Việt Nam (Võ Văn Chi, 2011); Danh lục các loài thực vật Việt Nam (2001, 2003, 2005).

- Thu thập dữ liệu sơ cấp:

+ Phương pháp điều tra dân tộc học: Chuẩn bị những điều kiện cần thiết để cùng sống với các cộng đồng trong một thời gian. Tiến hành quan sát, phỏng vấn những người cao tuổi, những người già làng, phỏng vấn những thầy thuốc được cộng đồng suy tôn trong sử dụng tri thức địa phương để chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe bằng các bài thuốc dân gian, phỏng vấn trưởng bản trong cộng đồng nắm giữ nhiều kinh nghiệm, ghi chép những gì đang diễn ra trong đời sống của họ; chụp ảnh, ghi hình, ghi âm các sự vật và hiện tượng đang tồn tại trong đời sống của họ để thu thập những thông tin liên quan.

+ Sử dụng phương pháp RRA và PRA: Phỏng vấn các cán bộ chủ chốt, các già làng, trưởng bản, các nhóm hộ/cá nhân theo từng chuyên đề và mục tiêu đề ra. Bên cạnh đó, tổ chức họp thôn bản với sự tham gia của cán bộ, các tổ chức đoàn thể và người dân, đồng thời chia thành các

nhóm đề hộ thảo luận và trình bày từng chuyên đề theo các nội dung đã chuẩn bị sẵn để thu thập thêm thông tin và khẳng định lại những thông tin đã thu thập được trước đó [4, 6].

## 2. Phương pháp xử lý số liệu

Sử dụng phần mềm Execl, bảng phân tích và hệ thống hoá tổng hợp kết quả nghiên cứu.

## II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### 1. Kinh nghiệm khai thác cây thuốc của người Vân Kiều

Bảng 1

Kinh nghiệm khai thác cây thuốc của người Vân Kiều

TT	Kinh nghiệm khai thác		Số loài khai thác	
1	Nơi thu hái	Trong rừng	3	
		Ven khe suối	7	
		Trên nương rẫy	5	
		Trên vách đá	2	
		Trên đồi	9	
		Thung lũng	4	
2	Lượng thu hái	< 1,5 kg/ngày	15	
		1,5 – 3 kg/ngày	10	
		> 3kg/ngày	5	
3	Bộ phận thu hái trên cây	<i>Một bộ phận</i>	Lá	7
			Củ, rễ	3
			Đọt	3
			Quả	2
			Hạt	2
			Vỏ	3
			Thân	2
			Rễ	5
		<i>2 bộ phận</i>	Lá, thân	1
			Lá, cành	3
			Lá, rễ	2
			Đọt, lá non	3
			Thân, rễ	1
			Vỏ, rễ	2
			Vỏ, lá	1
		<i>3 bộ phận</i>	Lá, thân, cành	1
			Thân, lá, rễ	1
			Rễ, cành, lá	2
		<i>Cả cây</i>		(tất cả các bộ phận)
4	Mùa Thu hái	Quanh năm	18	
		Theo mùa	12	
5	Phương thức Thu hái	Dùng tay	9	
		Dùng dao, rựa	15	
		Cuộc, xẻng	4	
		Dùng móc câu	2	

“Nguồn: Số liệu điều tra thực địa trên địa bàn nghiên cứu năm 2013”

Qua điều tra cho thấy loài cây thuốc mọc chủ yếu là trên đồi và ven khe suối, trong rừng sâu cũng có nhưng ít hơn, trọng lượng cây thuốc người dân khai thác trung bình mỗi lần khoảng từ 1,5 kg trở xuống là nhiều nhất, loài càng hiếm, đi khai thác xa thì được ít hơn. Do việc khai thác, hái lượm chủ yếu là đối tượng phụ nữ và trẻ em nên thường thu hái gần nơi cư trú, xung quanh khu vực nương rẫy hoặc ven khe suối. Đồng bào thường dùng tay, dùng dao rựa, cuốc xẻng,... để thu hái. Sau khi thu hái thuốc về họ thường sơ chế bằng cách phơi khô để dự trữ thuốc quanh năm.

## 2. Công dụng một số bài thuốc của người Vân Kiều

Bảng 2

Một số cây thuốc, bài thuốc chữa bệnh của người Vân Kiều

TT	Loại bệnh	Các loài cây thuốc	Tên khoa học	Cách chế biến và sử dụng
1	Bệnh đường ruột	Chè dung	<i>Symplocos racemosa</i> Roxb	Bấm nhỏ thân và lá, sao vàng hạ thổ, nấu nước uống.
2	Đau bụng đi ngoài	Sim	<i>Rhodomyrtus tomentosa</i> (Ait.) Hassk	Nhai đọt sim, đọt ổi rừng. Nhai hoặc hấp hạt. Dùng lá hấp với trứng gà.
		Ổi rừng	<i>Psidium guajava</i> L.	
		Chuối rừng	<i>Musa acuminata</i> Colla	
		Mơ lông	<i>Paederia scandens</i> (Lour.) Merr	
3	Mụn nhọt, lở loét	Bồ công anh	<i>Taraxacum officinale</i> Wigg.	Dùng thân, lá nấu nước tắm hoặc giã mịn đắp vào chỗ bị đau.
		Chó đẻ răng cưa	<i>Phyllanthus urinaria</i> L.	
4	Uốn ván	Cáp mộc hình sao	<i>Craibiodendron stellatum</i> (Pierre) W. W. Sm.	Nấu nước xông và nhai đắp tại vị trí bị bệnh.
5	Bệnh ho	Quất	<i>Fortunella japonica</i> (Thunb) Swingle	Cắt lát quả quất để cả vỏ, cho chút mật ong rồi ngâm.
6	Đau đầu	Gừng	<i>Zingiber officinale</i> (Willd.) Roscoe	Gừng tươi nấu nước uống trong những ngày bị đau.
7	Sâu răng	Tía tô	<i>Perilla frutescens</i> (L.) Britt.	Rễ cây tía tô, rễ cây mắc cỡ, lá lốt, lá trầu giã nát rồi ngâm, giã vào chỗ đau.
		Mắc cỡ	<i>Mimosa pudica</i> L.	
		Lá lốt	<i>Piper lolot</i> L.	
		Trầu không	<i>Piper betle</i> L.	
8	Bệnh phụ nữ	Bách bộ	<i>Stemona tuberosa</i> Lour.	Nấu nước uống hoặc nấu cao rồi uống dần.
9	Trẻ cảm sốt	Hẹ	<i>Allium tuberosum</i> Rotler ex Spreng	Lá hẹ hoặc vỏ quả quýt rừng, lá ngải cứu, nấu nước uống, ngải cứu đắp lên trán.
		Quýt rừng	<i>Atalantia roxburghiana</i> Hook. f.	
		Ngải cứu	<i>Artemisia vulgaris</i> L.	
10	Cảm cúm	Bạc hà	<i>Mentha arvensis</i> L.	Lá bạc hà, lá sả, lá tre, lá chanh nấu nước xông.
		Sả	<i>Cymbopogon citratus</i> (DC.) Stapf	
		Tre gai	<i>Bambusa bambos</i> (L.) Voss.	
		Chanh	<i>Citrus aurantifolia</i> (Christm. et Panzer) Swingle	
11	Bệnh khớp, bệnh gút	Môn gai	<i>Lasia spinosa</i> (L.) Thw.	Bấm nhỏ, phơi khô, sao vàng rồi nấu nước uống.

TIÊU BAN TÀI NGUYÊN SINH VẬT

12	Sốt rét	Tre sợi	<i>Bambusa textilis</i> McClure	Lá đưng, lá mía, lá sả, lá tắt, lá ôi rừng nấu nước xông ngày 2 lần.
		Mía	<i>Saccharum officinarum</i> L.	
13	Chảy máu, cầm máu	Cỏ mực	<i>Eclipta prostrata</i> L.	Giã nát đắp vào vết thương.
		Cỏ hôi	<i>Ageratum conyzoides</i> L.	
14	Động thai	Ngải cứu	<i>Artemisia vulgaris</i> L.	Nấu nước uống hoặc giã nát lấy nước uống.
15	Chảy máu cam	Rau má	<i>Centella asiatica</i> (L.) Urb.	Lá rau má, lá cỏ mực, mui mác đem giã nát, vắt nước uống, vò bỏ vào mũi.
16	Đau bụng người lớn	Chuối rừng	<i>Musa acuminata</i> Colla	Vỏ quả chuối rừng hoặc gừng tươi đem nấu nước uống.
17	Cảm sốt người lớn	Tía tô	<i>Perilla frutescens</i> (L.) Britton	Hái lá non nấu cháo ăn hàng ngày.
18	Phụ nữ sau khi sinh	Dẻ	<i>Castanopsis</i> sp.	Nấu nước uống.
		Máu chó	<i>Knema globularia</i> (Lam.) Warb.	
19	Rắn cắn	Củ một	<i>Stephania rotunda</i> Lour	Lấy củ một, cây cỏ mực, rễ cỏ may giã nát đắp lên nơi bị rắn cắn.
		Cỏ may	<i>Chrysopogon aciculatus</i>	
		Cỏ mực	<i>Eclipta prostrate</i> L.	
20	Bệnh trĩ	Chè	<i>Camellia sinensis</i> (L.) Kuntze	Lá tràu không, chè xanh đem nấu nước ngâm rửa.
21	Bị bỏng	Sống đời	<i>Kalanchoe pinnata</i> (Lam.) Pres.	Lá sống đời, ngải cứu giã nát đắp vào vết bỏng.
22	Mất ngủ	Hoài sơn	<i>Dioscorea persimilis</i> Prain et Burkill	Lá cây hoài sơn, lạc tiên đun nước uống.
		Lạc tiên	<i>Passiflora foetida</i> L.	
23	Bệnh phong thấp, xương khớp	Mật nhân	<i>Eurycoma longifolia</i> Jack subsp. <i>longifolia</i>	Rễ lá lốt, mật nhân, cối xay giã nát, vắt thành nước uống hoặc sắc lấy nước cốt uống.
		Cối xay	<i>Abutilon indicum</i> (L.) Sweet	
24	Bệnh tiểu đường	Chuối rừng	<i>Musa acuminata</i> Colla	Giã nát, ép lấy nước uống.
25	Bệnh xơ vữa động mạch vành, mỡ máu tăng cao	Cây mật nhân	<i>Eurycoma longifolia</i> Jack subsp. <i>longifolia</i>	Phơi khô nấu nước uống hàng ngày.
26	Bệnh xoang	Xương khô	<i>Euphorbia tirucalli</i> L.	Đun nước sôi rồi hít vào mũi.
27	Thuốc tránh thai	Náng	<i>Crinum</i> sp.	Đeo ở cổ, bỏ trong túi quần áo.
28	Mỡ máu, men gan	Nấm lim xanh	<i>Ganoderma lucidum</i> (W. Curtis ex Fr.) Karst.	Ngâm rượu uống hoặc xay nhuyễn uống hàng ngày.

(Nguồn: Theo số liệu điều tra thực tế tại địa bàn nghiên cứu năm 2013)

Qua số liệu tại bảng 2 cho thấy đồng bào Vân Kiều biết được rất nhiều loài thuốc trong đó chủ yếu là 28 bài thuốc quý, các bài thuốc này đã được truyền từ thế hệ trước cho đến nay. Hầu hết các bài thuốc này chủ yếu được phổ biến cho con cháu trong dòng tộc nhưng hiện nay do bị thương mại hóa nên nhiều người đã khai thác về dùng và bán cho các thương lái lấy tiền.

### III. KẾT LUẬN

Dân tộc Vân Kiều ở huyện Lệ Thủy có rất nhiều kinh nghiệm trong việc thu hái, sử dụng và chế biến cây thuốc nam. Người dân đã biết sử dụng rất nhiều bài thuốc (trong đó có 28 bài thuốc phổ biến) để chữa các loại bệnh trong đời sống hằng ngày. Các bài thuốc này đã và đang được lưu truyền qua các thế hệ tạo nên sự đa dạng trong văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc Vân Kiều.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Tiến Bản** (chủ biên), 2001-2005. *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
2. **Võ Văn Chi**, 2011. *Từ điển cây thuốc Việt Nam, tập 1, 2*. Nxb. Y học, Hà Nội.
3. **Võ Văn Chi**, 2002. *Từ điển Thực vật thông dụng*, Nxb. KH&KT, Hà Nội.
4. **Lê Trọng Cúc**, 1998. *Mối quan hệ giữ kiến thức bản địa, văn hóa và môi trường ở vùng núi Việt Nam*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
5. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999-2000. *Cây cỏ Việt Nam, tập 1, 2, 3*. Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
6. **Gary J. Martin**, 2002. *Thực vật dân tộc học*. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
7. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2004. *Phương pháp nghiên cứu thực vật*. Nxb. ĐHQGHN, Hà Nội.
8. **Quỹ phát triển nông thôn và giảm nghèo huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình**, 2005. *Báo cáo công trình nghiên cứu, tìm hiểu phong tục tập quán trong đời sống văn hóa tinh thần và tri thức bản địa trong sản xuất nông nghiệp của người Vân Kiều, Quảng Bình*.
9. **Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam**, 1998. *Kiến thức bản địa của đồng bào vùng cao trong nông nghiệp và quản lý tài nguyên thiên nhiên*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
10. **Viện Dược liệu**, 1993. *Tài nguyên cây thuốc Việt Nam*, Nxb. KH&KT, Hà Nội.

### DOCUMENTING THE INDIGENOUS KNOWLEDGE IN EXPLOITING AND USING MEDICINAL PLANTS AT THE VAN KIEU ETHNIC GROUP, QUANG BINH PROVINCE

Bui Thi Thuc Anh, Nguyen Thi Quynh Phuong

#### SUMMARY

Using medicinal plant resources is one of the cultural characteristics of the Van Kieu ethnic group in Le Thuy district. However, in recent times, the rapid development of medicine with many kinds of medicine, especially traditional ones are exploited and produced, the resources of medicinal plants are declining. In this article, we report 28 popular prescriptions, the experience of exploiting, using and preserving valuable medicinal plants of the Van Kieu ethnic group. This result is a basis for the preservation and development of medicinal plant gene resources.